TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 24/12/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Tùng Lâm

2. Ông Hồ Minh Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 270/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5898/2024/QĐ-PT ngày 08/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17373/2024/QĐ-PT ngày 26/11/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964

Địa chỉ thường trú: Số B Đ, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số H G, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số I G, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1980

Địa chi: Số K G phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim Y tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do

UBND phường M, quận B (nay là phường T, quận P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu chung sống diễn ra bình thường, nhưng dần về sau, giữa hai bên có nhiều điểm bất đồng, từ đó gây ra nhiều mâu thuẫn. Mặc dù nhiều lần ông đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng, cũng ngồi lại với nhau để nói chuyện tìm cách hàn gắn và duy trì hạnh phúc gia đình nhưng kết quả vẫn không thay đổi. Năm 2018 bà Y ngoại tình với người đàn ông khác tại khách sạn bị em gái ông phát hiện và quay clip tại khách sạn (có clip kèm theo). Hiện tại, ông và bà Y đã ly thân được hơn 05 năm, không còn sống chung nhà, không ai còn quan tâm, chăm sóc hay lo lắng đến cuộc sống của ai. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Về con chung: ông và bà Y có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V1 (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997). Vì các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Y, ông V trình bày: bà Y bỏ nhà đi từ giữa năm 2018 mà bà tính tháng 01/2018 là sai. Hàng tháng thu nhập chỉ 11.000.000 đồng mà bà Y khai 18.000.000 đồng là sai. Từ tháng 04/2023 bà Y và bà L về cấu kết với nhau và hất ông V ra ngoài không cho ông kinh doanh bãi xe nữa, đó là tài sản của vợ chồng ông gầy dựng nên mà có, hai bà cho rằng là của hai bà và không chia cho ông khoản tiền nào hết, ông ý kiến về phần chia tài sản của vợ chồng ông hiện tại: nhà tôn và bãi giữ xe chia đôi. Tại đơn ngày 28/12/2023 ông V xác định ông cho bà Y toàn bộ xác nhà xe (mái tôn cọc sắt và vật dụng linh tinh trong xác nhà xe nêu trên, ông không lấy).

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Về quá trình chung sống, đăng kí kết hôn bà Y thống nhất như lời ông V trình bày. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông V vì ông V ngoại tình và đang chung sống, làm ăn tại nhà Số H G quận P với bà Lê Thị Thanh N1 dẫn đến ly hôn.

Về con chung: 03 con chung Nguyễn Hoàng V1, sinh ngày 25/12/1991; Nguyễn Hoài N, sinh ngày 19/01/1993 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 20/1/1997. Vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y yêu cầu ông V chia đôi tài sản chung gồm các khoản: 83 triệu đồng là tiền thuê bãi đất, địa chỉ: Số I G, phường T, quận P, TP. Hồ Chí Minh; 408.026.000 đồng là giá trị tiền công trình trên đất vợ chồng bỏ ra đầu tư làm bãi giữ xe và tiền thu nhập từ bãi giữ xe: 613.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2023 bà Y rút lại một phần yêu cầu như sau: Không yêu cầu chia đôi số tiền 83.000.000 đồng là tiền thuế bãi đất, địa chỉ: Số I G, phường T, quận P, TP.Hồ Chí Minh. Đối với tiền thu nhập từ bãi giữ xe, bà yêu cầu ông V

phải trả tiền hưởng lợi từ bãi giữa xe số tiền là 280.500.000 đồng. Đối với công trình trên đất bà không có nhu cầu sử dụng nên yêu cầu ông V thối tiền lại cho bà.

Về nợ chung: Không có.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày: bà có cho ông V bà Y thuê khuôn viên đất số K G làm nơi giữ xe, bà không có liên quan nên không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 270/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường M, quận B (nay là phường T, quận P), thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Hoàng V1 (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997. Vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim Y, do tại phiên toà bà Y rút toàn yêu cầu về chia tài sản chung. Không yêu cầu Tòa giải quyết. Quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y đồng thời là người kháng cáo trình bày: bà và ông V có 3 người con chung đều đã trưởng thành, bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho bà được đoàn tụ với ông V để sau này khi các con bà lập gia đình có đủ cha mẹ. Ông V đang có quan hệ với bà Lê Thị Thanh N1 và bỏ bà đến sống, làm việc chung với người này, bà và gia đình đã khuyên giải nhưng ông không nghe, gần đây bà đã trở về nhà cũ số I G, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để ở chờ ông V quay về với bà nhưng đến nay chưa thấy ông quay về. Bà mong muốn hai bên cùng bỏ qua lỗi lầm của nhau, về cùng chung sống với nhau. Về việc chia tài sản bà đã rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm nên không có ý kiến gì khác. Về nợ chung bà xác định không có.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và trình bày: ông cương quyết xin ly hôn với bà Y vì năm 2018 mẹ của ông mất, bà Y bỏ cha con ông đi mang theo tất cả tiền bạc trong nhà, đẩy cha con ông vào hoàn cảnh

khó khăn. Tháng 4/2022 ông chuyển đến nhà chị ruột là bà Nguyễn Thị T1 ở số H G, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ở cho đến nay; bà Lê Thị Thanh N1 không có gia đình, thuê nhà này kinh doanh nước giải khát, ông phụ bưng bê cùng làm việc kiếm tiền sinh sống chứ không có quan hệ khác như bà Y khai. Khi còn chung sống với ông, bà Y ngoại tình với người đàn ông khác bị em gái ông bắt gặp tại khách sạn, từ đó ông không còn tin tưởng bà Y, gần đây bà còn quan hệ với người khác ngay tại nhà ở. Ông không thể tha thứ cho bà Y, không còn tình cảm gì với bà nên không thể nào quay về đoàn tụ. Ông và bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày: Bà không liên quan gì đến việc tranh chấp trên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Ông V, bà Y có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Y: xét qua trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn giữa ông V với bà Y đã trầm trọng không thể hàn gắn nên án sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Y, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Y làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Y tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường M, quận B (nay là phường T, quận P), thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông V có đơn kiện xin ly hôn với bà Y tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú và được tòa sơ thẩm chấp nhận, sau khi xét xử sơ thẩm bà Y không đồng ý với bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ.

Căn cứ trình bày, thừa nhận của ông V bà Y tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu trong hồ sơ vụ án thì ông V từ lâu không còn tin tưởng bà Y, cả ông V và bà Y đều trình bày bên còn lại có quan hệ tình cảm bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn, phải ly hôn; thực tế hai bên không còn chung sống từ năm 2022 đến nay, ông V xác định không thể tha thứ, không còn tình cảm gì với bà Y, bà Y khai bà và gia đình đã khuyên giải nhưng ông V không nghe. Bà Y mong muốn đoàn tụ với ông V nhưng không có biện pháp cách thức nào khả dĩ hiệu quả để cải thiện tình trạng quan hệ

vợ chồng, hai bên không còn chung sống, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn nên án sơ thẩm cho ly hôn là có cơ sở.

Về con chung: có 3 con chung đã trưởng thành nên không xét

Về tài sản: bà Y có yêu cầu phản tố và đã rút tại phiên tòa sơ thẩm nên án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là phù hợp qui định pháp luật. Về nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Y, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: do giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Y về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 270/2024/HNGĐ-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường M, quận B (nay là phường T, quận P), thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V1 (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997, các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa không xét.

- Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim Y, do tại phiên toà sơ thẩm bà Y rút toàn yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí và thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền**.**

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Nguyễn Văn V phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông V đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0035041 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Y đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0008084 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm. .

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 9.537.500 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim Y theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036046 ngày 09/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương